

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2018/HS-ST

Ngày: 15 - 3 - 2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Văn Phương.

2. Ông: Hà Xuân Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở TAND thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 01/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: TRẦN THỊ HOÀI H; sinh ngày: 10/8/1980, tại Quảng Bình; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: TDP x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần N, sinh năm: 1950; nghề nghiệp: Hưu trí và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955, nghề nghiệp: Làm ruộng; hiện ông, bà trú tại: Xã Q, TX. B, tỉnh Quảng Bình; có chồng: Nguyễn Kim S, sinh năm: 1977, nghề nghiệp: Cán bộ kỹ thuật Công ty TNHH xây dựng V, nơi cư trú: TDP x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự:** Chi cục thuế thành phố Đ. Địa chỉ: Đường X, phường H, TP. Đ, Quảng Bình. Do ông Đoàn Văn L - Phó Chi cục trưởng đại diện. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: TDP x, phường B, TP. Đ, tỉnh Q. Giám đốc Công ty TNHH xây dựng V, số y đường T, phường N, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông: Lê Quốc V, sinh năm: 1957; Chủ DNTN H. Nơi cư trú: TDP y, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.
3. Ông: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Tiểu khu T, TT Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Cán bộ vật tư Công ty TNHH V, số y đường T, phường N, TP. Đ, Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.
4. Bà: Hoàng Thị L, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: TDP 1, phường Đồng Phú, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Thủ quỹ Công ty TNHH V, số y đường T, phường N, TP. Đ, Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.
5. Ông: Nguyễn Đại N, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: TDP x, phường N, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.
6. Ông: Nguyễn Khánh L, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Thôn x, xã Q, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.
7. Ông: Bùi Văn C, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: TDP x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Xây dựng V có trụ sở tại số y đường T, phường N, TP. Đ, Quảng Bình, được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên ngày 19/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/7/2013, vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng nhà các loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; điều hành tua du lịch; bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; xây dựng công trình đường bộ; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác; bán lẻ đồ nhũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng cho thuê, các công trình viễn thông, thiết kế, lắp đặt mạng Internet, mạng Lan. Công ty TNHH Xây dựng V do ông Nguyễn Văn L làm Chủ tịch kiêm giám đốc, Trần Thị Hoài H làm kế toán trưởng.

Từ năm 2013 đến năm 2015, Công ty TNHH Xây dựng V nhận thầu thi công xây dựng một số công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Bình gồm: Công trình cải tạo, nâng cấp nhà làm việc T tỉnh Quảng Bình; Công trình xây lắp, thiết bị PCCC Nhà Hiệu bộ Trường T Quảng Bình; Công trình xây lắp Nhà ở giảng viên thỉnh giảng và Ký túc xá sinh viên Lào tại Trường Đ Quảng Bình; Công trình xây dựng sân, hàng rào, hội trường, nhà để xe kết hợp với nhà thi đấu cơ quan Đ khối các cơ quan tỉnh; Công trình trụ sở Trung tâm T. Quá trình thi công xây dựng các công trình trên, ông Nguyễn Văn L - Giám đốc Công ty giao cho ông Nguyễn Văn M - cán bộ vật tư của Công ty nhiệm vụ liên hệ mua nguyên vật liệu, thuê ca máy, nhân công để phục vụ thi công các công trình. Ông Nguyễn Văn M đã liên hệ với anh

Nguyễn Đại N ở phường N, anh Nguyễn Khánh Lưu ở xã Q mua cát các loại, đá các loại và anh Bùi Văn C ở phường B để thuê ca máy phục vụ thi công các công trình trên không có hóa đơn GTGT kèm theo. Đồng thời từ năm 2013 đến năm 2015, Công ty TNHH Xây dựng V phát tiền cho toàn thể công nhân viên may áo quần bảo hộ lao động nhưng không có hóa đơn GTGT. Khi tập hợp chứng từ chi phí công trình và kê khai thuế thì thiếu hóa đơn GTGT đầu vào nên Trần Thị Hoài H đã trực tiếp đến gặp ông Lê Quốc V - Chủ DNTN H ở phường Đ mua hóa đơn GTGT khống (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) để kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ bán ra. H và ông V thỏa thuận giá mua bán hóa đơn khống là 8% giá trị hàng hóa được ghi trên hóa đơn. H đã đưa cho ông V số lượng hàng hóa cần mua, đơn giá, thời gian và giá trị thanh toán cộng thêm số tiền 8% mua hóa đơn để ông V lập hóa đơn. Tổng cộng từ năm 2013 đến năm 2015, Trần Thị Hoài H đã mua của ông Lê Quốc V 31 hóa đơn GTGT với tổng giá trị thanh toán là 2.745.169.900 đồng, trong đó tiền hàng hóa dịch vụ 2.495.608.983 đồng, tiền thuế GTGT 249.560.917 đồng. Trần Thị Hoài H đã trả tiền mặt cho ông V số tiền mua 31 hóa đơn khống nói trên khoảng 200.000.000 đồng.

Để hợp thức hóa việc mua hóa đơn khống nói trên, đối với 21 hóa đơn có giá trị thanh toán dưới 20.000.000 đồng (Hóa đơn số 0000713 ngày 01/8/2013, số 0000744 ngày 05/8/2013, số 0000764 ngày 09/8/2013, số 0000810 ngày 18/8/2013, số 0000836 ngày 23/8/2013, số 0000846 ngày 25/8/2013, số 0000858 ngày 27/8/2013, số 0000888 ngày 31/8/2013, số 0000915 ngày 07/9/2013, số 919 ngày 09/9/2013, số 0000926 ngày 11/9/2013, số 0000929 ngày 12/9/2013, số 0000935 ngày 14/9/2013, số 0000939 ngày 15/9/2013, số 0000944 ngày 17/9/2013, số 0000954 ngày 21/9/2013, số 0000962 ngày 23/9/2013, số 0000970 ngày 25/9/2013, số 0000978 ngày 27/9/2013, số 0000986 ngày 29/9/2013, số 0000992 ngày 30/9/2013), Trần Thị Hoài H đã lập khống giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi và ký khống người nhận tiền mang tên Trần Thị Phương N hoặc Trần Phương N - DNTN H, sau đó đưa chứng từ cho ông Nguyễn Văn L - Giám đốc và bà Hoàng Thị L - Thủ quỹ Công ty TNHH Xây dựng V ký để làm chứng từ hoàn tạm ứng. Đối với 10 hóa đơn có giá trị thanh toán trên 20.000.000 đồng (Hóa đơn số 0001037 ngày 07/10/2013, số 0001128 ngày 02/11/2013, số 0001214 ngày 26/11/2013, số 0001324 ngày 30/12/2013, số 0001335 ngày 01/01/2014, số 0001451 ngày 20/4/2014, số 0001516 ngày 18/6/2014, số 0001524 ngày 25/6/2014, số 0001722 ngày 01/10/2014, số 0000204 ngày 04/6/2015), Trần Thị Hoài H sử dụng để lập hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình. H đưa hồ sơ cho ông Nguyễn Văn L - Giám đốc Công ty ký để vay vốn. Sau khi ngân hàng chấp thuận cho vay vốn, H dùng Ủy nhiệm chi đã được Giám đốc Công ty đã ký khống chỉ từ trước, viết số tiền vay theo hóa đơn và tài khoản của DNTN H để ngân hàng chuyển tiền vay về tài khoản của DNTN H. Sau đó, H dùng các tờ séc rút tiền mặt đã ký khống chỉ của DNTN H mà ông V đã đưa khi trả tiền mua hóa đơn, ghi số tiền và thông tin của người

nhận, rồi đến Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình làm thủ tục rút tiền, đưa tiền về nhập quỹ công ty. H đã trực tiếp rút ba lần vào các ngày 25/01/2014, 13/10/2014, 19/6/2015 và nhờ bà Hoàng Thị L - Thủ quỹ Công ty rút một lần vào ngày 27/6/2014.

Các hóa đơn nói trên, H đã sử dụng để xây dựng báo cáo tài chính của công ty và kê khai thuế GTGT đầu vào để được khấu trừ thuế GTGT phải nộp đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra của Công ty TNHH Xây dựng V trong quý III, quý IV năm 2013; quý I, quý II, quý IV năm 2014 và quý II năm 2015 để làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp là 249.560.917 đồng.

Ngày 02/10/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 94/QĐ-PC46, trưng cầu Cục Thuế tỉnh Quảng Bình giám định số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Xây dựng V.

Ngày 15/11/2017 Cục Thuế tỉnh Quảng Bình đã có kết luận giám định số 4002/KL-GĐ kết luận:

Về thuế GTGT: Công ty TNHH Xây dựng V đã trốn thuế GTGT năm 2013, 2014 và 2015 với số tiền: 249.560.917 đồng.

Về thuế TNDN: Công ty TNHH Xây dựng V đã trốn thuế TNDN năm 2013 và năm 2014 với số tiền: 247.314.673 đồng.

Ngày 24/5/2017 Công ty TNHH Xây dựng V đã thực hiện kê khai bổ sung điều chỉnh tờ khai thuế GTGT quý III, quý IV năm 2013; quý I, quý II, quý IV năm 2014 và quý II năm 2015 đối với 31 số hóa đơn của DNTN H, số thuế GTGT đã nộp vào ngân sách 249.560.917 đồng.

Ngày 05/12/2017 Trần Thị Hoài H đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra tiền thuế TNDN 247.314.673 đồng của Công ty TNHH Xây dựng V. Công an tỉnh Quảng Bình đã chuyển số tiền này vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố Trần Thị Hoài H về tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi áp dụng hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 161, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Trần Thị Hoài H từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự 2015 phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với Trần Thị Hoài H.

- Về vật chứng: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên: Nộp vào Ngân sách Nhà nước số

tiền 247.314.673 đồng do Trần Thị Hoài H đã nộp để thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho Công ty TNHH Xây dựng V.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, xin được chiếu cố giảm nhẹ và được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Trần Thị Hoài H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định của cơ quan thuế, cùng các tài liệu khác được cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, Trần Thị Hoài H đã có hành vi mua và sử dụng 31 hóa đơn GTGT không (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của DNTN H để kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra nhằm mục đích cho Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiên trốn thuế số tiền 496.875.590 đồng (trong đó: thuế GTGT 249.560.917 đồng, thuế TNDN 247.314.673 đồng).

Căn cứ khoản 4 Điều 108 Luật Quản lý Thuế và khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 26/6/2013 về hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính - kế toán và chứng khoán, hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để trốn thuế của Trần Thị Hoài H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị tuyên bị cáo phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 2, Điều 161 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện, bị phát hiện, điều tra trước 0 giờ ngày 01/01/2018, các quy định của Bộ luật hình sự 2015 về hình phạt, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ không có gì khác (không có lợi cho bị cáo) căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Tòa án áp dụng các quy định của BLHS 1999 khi xét xử mà không áp dụng quy định của BLHS 2015. Riêng hình phạt bổ sung là phạt tiền Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát, áp dụng khoản 4 Điều 200 của Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt đối với bị cáo.

[2] Xét hành vi trốn thuế của Trần Thị Hoài H đã xâm phạm đến các quy định về quản lý thuế và các quy định về quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT của Nhà nước, làm thất thu ngân sách Nhà nước, xâm hại nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh

nghiệp trong nền kinh tế, gây tiêu cực về nhiều mặt trong đời sống xã hội. Trần Thị Hoài H nhận thức được tính chất nguy hiểm của việc trốn thuế, nhận thức được pháp luật nhà nước nghiêm khắc xử phạt hành vi trốn thuế; nhưng vì động cơ vụ lợi và để hợp thức hóa chứng từ thanh toán, nên đã thực hiện việc mua và sử dụng 31 hóa đơn GTGT không của DNTN H để kê khai thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra nhằm mục đích cho Công ty TNHH Xây dựng V trốn thuế theo kết luận giám định của Cục thuế tỉnh Quảng Bình số tiền 496.875.590 đồng. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 161 BLHS, đồng thời cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 50.000.000 đồng, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được sai phạm của bản thân, tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là người có Công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ bị nhiễm chất độc màu da cam, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS xét giảm nhẹ về hình phạt đối với bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS, nên Hội đồng xét xử xét chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nên áp dụng Điều 60 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến: Quá trình điều tra xác định ông L không chỉ đạo kế toán của công ty là Trần Thị Hoài H mua bán trái phép 31 hóa đơn GTGT để trốn thuế. Ông L thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, thiếu kiểm tra kiểm soát trong việc quản lý sử dụng hóa đơn nên để kế toán lợi dụng sơ hở mua bán trái phép 31 hóa đơn GTGT nhằm kê khống thuế đầu vào để trốn thuế. Hành vi của Nguyễn Văn L không đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông L.

Đối với ông Lê Quốc V - Chủ DNTN H đã có hành vi bán 31 hóa đơn khống cho Trần Thị Hoài H để H thực hiện hành vi trốn thuế. Hành vi của Lê Quốc V đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình khởi tố bị can về tội “Trốn thuế” tại quyết định số 09/QĐ-PC46 ngày 02/02/2016 và tội “Mua bán trái phép hóa đơn” tại quyết định số 04/QĐ-PC46 ngày 30/9/2016 sẽ được xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Nguyễn Văn M, Hoàng Thị L, Nguyễn Đại N, Nguyễn Khánh L và Bùi Văn C là những người có liên quan đến hành vi trốn thuế của Trần Thị Hoài H, quá trình điều tra xác định không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về nhiệm vụ, thẩm quyền, trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự 2003 quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến khiếu nại; hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi hành vi mua và sử dụng hóa đơn không để kê khai thuế của Trần Thị Hoài Hương nhằm trốn thuế cho Công ty TNHH Xây dựng V bị phát hiện, ngày 24/5/2017 Công ty TNHH Xây dựng V đã thực hiện kê khai bổ sung điều chỉnh tờ khai thuế GTGT quý III, quý IV năm 2013; quý I, quý II, quý IV năm 2014 và quý II năm 2015 đối với 31 số hóa đơn của DNTN H, số thuế GTGT đã nộp vào ngân sách 249.560.917 đồng.

Số tiền thuế TNDN của Công ty TNHH Xây dựng V còn phải nộp là 247.314.673 đồng; ngày 05/12/2017 Trần Thị Hoài H đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra 247.314.673 đồng để khắc phục hậu quả được xử lý nộp vào Ngân sách nhà nước thay Công ty TNHH xây dựng V. Công ty TNHH xây dựng V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dân sự.

[5] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử: Nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 247.314.673 đồng Trần Thị Hoài H đã nộp để khấu trừ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng V.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Trần Thị Hoài H phạm tội: “Trốn thuế”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 161; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999;

**Xử phạt:** Trần Thị Hoài H 18 tháng (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/3/2018.

Giao Trần Thị Hoài H cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt bổ sung hình phạt tiền đối với Trần Thị Hoài H số tiền 50.000.000 đồng.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự 1999, buộc Công ty TNHH Xây dựng V phải nộp số tiền thuế TNDN là 247.314.673 đồng. Số

tiền phải nộp được khấu trừ từ việc xử lý vật chứng. Công ty TNHH Xây dựng V không phải nộp thêm.

**3. Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử: Nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 247.314.673 đồng do Trần Thị Hoài H nộp (đã được Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Bình đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới số 3949.0.105.4964.00000 tại Phòng giao dịch KBNN tỉnh Quảng Bình theo Ủy nhiệm chi lập ngày 18/01/2018) để khấu trừ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Xây dựng V.

**4. Về án phí hình sự:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử buộc Trần Thị Hoài H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Viện KSND tỉnh Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- THA dân sự thành phố Đồng Hới;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lê Hồng Sơn**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 17/2018/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Hới, ngày 13 tháng 3 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

## **ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2018 (thụ lý vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐST-VHNGĐ ngày 06/02/2018);

Xét thấy: Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc H. Địa chỉ: Khu tập thể Trại giam Đ Tổng cục VIII Bộ Công an, TDP x, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị N. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã X, huyện Q, Quảng Bình. Địa chỉ tạm trú: đường F, TDP x, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình.

**2.** Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Người khởi kiện có quyền khởi kiện lại vụ án. Trả lại cho anh Trần Ngọc H và chị Trần Thị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh H chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0000383 ngày 24/01/2018.

**3.** Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Đồng Hới;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

#### **THẨM PHÁN**

(đã ký)

***Lê Hồng Sơn***